

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20 /2015/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 18 tháng 8 năm 2015

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Giờ: S.....
Ngày: 20/8.....

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định hạn mức giao đất và hạn mức công nhận
một số loại đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân,
Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
301/TTr-STNMT ngày 24/7/2015 và ý kiến của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định
số 202/BC-STP ngày 08/7/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định hạn mức giao đất và
hạn mức công nhận một số loại đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày
ký và thay thế Quyết định số 02/2010/QĐ-UBND ngày 05/01/2010 của UBND
tỉnh Cà Mau.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp
tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố Cà Mau và các tổ chức, cá nhân có liên
quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Báo Cà Mau;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Phòng NN-NĐ (Nguyên, 01/8);
- Lưu: VT. Tr 42/8.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Dũng

QUY ĐỊNH

**Về hạn mức giao đất và hạn mức công nhận
một số loại đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 20 /2015/QĐ-UBND ngày 18 /8/2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định hạn mức giao đất và hạn mức công nhận đất ở, đất nông nghiệp tự khai hoang, đất trống, đất có mặt nước đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau.
2. Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền quản lý đất đai.

**Chương II
QUY ĐỊNH HẠN MỨC GIAO ĐẤT VÀ HẠN MỨC
CÔNG NHẬN MỘT SỐ LOẠI ĐẤT**

Điều 3. Quy định hạn mức giao đất ở

Hạn mức đất ở giao cho mỗi hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng nhà ở đối với trường hợp chưa đủ điều kiện để giao đất ở theo dự án đầu tư xây dựng nhà ở trên địa bàn tỉnh Cà Mau được quy định như sau:

1. Khu vực 1: Các phường thuộc thành phố Cà Mau không quá 150m².
2. Khu vực 2: Các thị trấn thuộc huyện không quá 200m².
3. Khu vực 3: Các xã thuộc huyện và thành phố Cà Mau không quá 300m².

Điều 4. Quy định hạn mức công nhận đất ở

1. Trường hợp thửa đất ở có vườn, ao gắn liền được hình thành trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 và người đang sử dụng có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3, Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì diện tích đất ở được xác định theo giấy tờ đó.

Trường hợp trong các loại giấy tờ được quy định tại các Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3, Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ chưa xác định rõ diện tích đất ở thì diện tích đất ở được công nhận không phải nộp tiền sử dụng đất bằng diện tích thực tế của thửa đất đó nhưng không quá 05 (năm) lần hạn mức giao đất ở theo quy định tại Điều 3 của Quy định này.

2. Trường hợp thửa đất ở có vườn, ao gắn liền với nhà ở được hình thành từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và người đang sử dụng có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 Luật Đất đai 2013 mà trong giấy tờ đó không ghi rõ diện tích đất ở thì diện tích đất ở được xác định như sau:

a) Đối với hộ gia đình có từ 04 nhân khẩu trở xuống thì hạn mức công nhận đất ở bằng hạn mức giao đất ở quy định tại Điều 3 của Quy định này.

b) Đối với hộ gia đình có từ 05 đến 08 nhân khẩu, hạn mức công nhận không quá 02 (hai) lần và có từ 09 nhân khẩu trở lên, hạn mức công nhận không quá 03 (ba) lần hạn mức giao đất ở quy định tại Điều 3 của Quy định này.

c) Số nhân khẩu để xác định hạn mức công nhận đất ở theo nguyên tắc quy định tại điểm a, b Khoản này là số nhân khẩu có trong sổ hộ khẩu của hộ gia đình đang ở trên cùng thửa đất tại thời điểm nộp đủ hồ sơ hợp lệ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Điều 5. Áp dụng hạn mức giao đất và công nhận đất ở

Hạn mức giao đất ở và hạn mức công nhận đất ở tại Quy định này áp dụng cho các trường hợp sau:

Giao đất, công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân; bồi thường đất; xét miễn, giảm tiền sử dụng đất và trường hợp được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013. Đối với mỗi hộ gia đình, cá nhân chỉ được xét công nhận đất ở 01 (một) lần để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất; nộp tiền sử dụng đất, xét miễn, giảm tiền sử dụng đất.

Điều 6. Hạn mức công nhận đất nông nghiệp tự khai hoang

Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang mà đất đó phù hợp với quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, không có tranh chấp thì được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất theo hạn mức sau:

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất để trồng cây hàng năm, nuôi trồng thủy sản, làm muối thì được công nhận quyền sử dụng đất không quá 03 (ba) héc ta đối với mỗi loại đất.

2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất trồng cây lâu năm, đất trồng rừng sản xuất được công nhận quyền sử dụng đất không quá 10 (mười) héc ta đối với mỗi loại đất.

3. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất vượt hạn mức quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này thì phải chuyển sang thuê đất theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 7. Hạn mức giao đất trồng, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Hạn mức giao đất trồng, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt được quy định như sau:

1. Sử dụng vào mục đích đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản cho mỗi hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp không quá 03 (ba) héc ta đối với mỗi loại đất.

2. Sử dụng vào mục đích đất trồng cây lâu năm cho mỗi hộ gia đình, cá nhân không quá 10 (mười) héc ta.

3. Sử dụng vào mục đích đất trồng rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất cho mỗi hộ gia đình, cá nhân không quá 30 (ba mươi) héc ta đối với mỗi loại đất.

4. Hạn mức giao đất quy định tại các Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3, Điều này không tính vào hạn mức giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân.

**Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 8. Điều khoản thi hành

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau, các đơn vị có liên quan triển khai, thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Dũng